

TỔNG QUAN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA THÔNG TIN LOGISTICS ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

Lê Thị Thu Thảo¹, Đỗ Quang Giám^{2*}

¹*Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên*

²*Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: dqgiam@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 15.07.2025

Ngày chấp nhận đăng: 02.01.2026

TÓM TẮT

Trên cơ sở tổng quan những vấn đề lý luận, bài viết tập trung luận giải, phát triển cơ sở lý luận và xây dựng khung phân tích tác động của thông tin logistics tới hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Nghiên cứu cho thấy, thông tin logistics trong doanh nghiệp được chia thành hai dòng chính đó là (i) Dòng hoạch định - phối hợp và (ii) Dòng tác nghiệp; giao điểm giữa hai dòng này là quản trị dự trữ. Yêu cầu đối với thông tin logistics là phải đảm bảo tính bảo mật, kịp thời, chính xác và tin cậy, nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà quản trị logistics. Yếu tố bên trong (đặc điểm doanh nghiệp, cam kết của lãnh đạo, hạ tầng công nghệ thông tin, trình độ và chấp nhận công nghệ của người dùng) và bên ngoài doanh nghiệp (chính sách và hỗ trợ từ chính phủ, trình độ công nghệ đối tác chuỗi cung ứng, áp lực cạnh tranh và kỳ vọng của khách hàng) đóng vai trò then chốt trong việc phát triển và nâng cao chất lượng thông tin logistics, giúp đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin của các nhà quản lý. Từ đó, thông tin logistics góp phần nâng cao hiệu quả quản lý cung ứng, quản lý tồn kho, quản lý đơn hàng và quản lý vận tải, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ khoá: Thông tin logistics., tác động, hiệu quả, kinh doanh, doanh nghiệp.

An Overview of the Impact of Logistics Information on Efficiency of Enterprise Business Activities

ABSTRACT

On the basis of overview of theoretical issues, the article concentrates on interpreting and developing a theoretical basis and building an analytical framework on the impact of logistics information on business performance in enterprises. Through research, logistics information in enterprises were divided into 2 main flows, namely (i) Planning - coordination flow and (ii) Operational flow, the intersection between these 2 flows is inventory management. The basic requirement for logistics information is to ensure security, timeliness, accuracy and reliability, in order to provide useful information to logistics managers. Internal factors (business characteristics, leadership commitment, information technology infrastructure, technology qualification and acceptance of users) and external factors (government policies and support, supply chain partner technology level, competitive pressures and customer expectations) play a key role in developing and improving quality logistics information, helping to better meet the information needs of managers. Thus, logistics information contribute to improving the efficiency of supply management, inventory management, order management and transportation management, thereby improving the business performance of enterprises.

Keywords: Logistics information, impact, performance, business, enterprises.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thông tin logistics (LI) là phạm trù quan trọng trong hoạt động quản lý doanh nghiệp,

được coi là trí tuệ, trong lĩnh vực nhất định, LI có thể được thu thập, lưu trữ và chuyển giao dữ liệu (Long, 2003). Nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng LI đóng vai trò quan trọng trong việc

tích hợp các chức năng nội bộ của doanh nghiệp, đặc biệt trong việc kết nối ba phân khu chức năng chủ chốt, gồm: logistics, sản xuất và marketing (Giménez & Ventura, 2003). Mỗi doanh nghiệp cần đầu tư vào hệ thống LI để điều phối mạng lưới chuỗi cung ứng hàng hóa phục vụ hoạt động thương mại (Lin, 2007). Thông tin logistics đạt chất lượng cao làm tăng lợi thế cạnh tranh của tổ chức, giảm chi phí và đạt được sự khác biệt nhất định trong hoạt động kinh doanh (Venkateswaran, 2018). Do đó, phát triển LI đang là vấn đề được nhiều doanh nghiệp quan tâm. Theo Starostka-Patyk (2021) có khoảng 97,6% doanh nghiệp sản xuất và 15,6% doanh nghiệp bán lẻ đang triển khai hệ thống thông tin cho quy trình logistics; Việc số hoá dữ liệu cho hoạt động logistics và chuỗi cung ứng giúp doanh nghiệp tối ưu hoá nguồn lực và có thể tăng năng suất lên tới 20% (Chaudhari, 2019). Trong khi đó, các nghiên cứu trước mới tập trung đánh giá tác động của LI tới một số hoạt động cụ thể trong doanh nghiệp như hoạt động vận chuyển (Ndonye, 2014; Zawawi & cs., 2016), quản lý kho (Sario, 2017), cung ứng (Zhiwen & cs., 2020) nhưng còn thiếu nghiên cứu đánh giá một cách tổng hợp các tác động của LI tới hiệu quả hoạt động kinh doanh (HĐKD) của doanh nghiệp.

Ở Việt Nam, LI đang trở thành chủ đề nghiên cứu đương đại, điển hình là nghiên cứu của Nguyễn Xuân Hào (2015), Lê Thị Phương Thanh & cs. (2023) đã chỉ ra tác động của hoạt động logistics tới hiệu quả HĐKD trong doanh nghiệp, đánh dấu tầm quan trọng trong việc phát triển hệ thống LI của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nghiên cứu chưa đánh giá tác động của LI và vai trò của LI trong việc nâng cao hiệu quả HĐKD của doanh nghiệp nói chung mà chỉ tập trung vào hoạt động logistics. Một số nghiên cứu khác hướng tới đánh giá tác động của hệ thống thông tin kế toán tới hiệu quả kinh doanh nhưng chưa đề cập tới LI, như nghiên cứu của Trần Trung Tuấn (2024), Trần Thứ Ba & Nguyễn Thị Tố Quyên (2017). Nghiên cứu của Nguyễn Quỳnh Mai (2024) cho thấy hệ thống LI cho phép điều phối mọi nỗ lực của công ty để duy trì hiệu quả của chi phí hàng hóa. Điều này

góp phần nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển kinh tế quốc gia, phù hợp với xu hướng công nghệ hóa, số hóa nền kinh tế. Tuy nhiên, nghiên cứu này đứng trên góc độ thiết kế hệ thống LI hơn là nội dung của LI. Vì vậy, mục đích bài viết tập trung luận giải một cách hệ thống về LI, các yếu tố ảnh hưởng tới LI, cũng như tác động của LI đến hiệu quả HĐKD trong doanh nghiệp. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống, kết hợp với phương pháp nghiên cứu tại bàn để thu thập tài liệu, thông tin thứ cấp từ các nghiên cứu đã công bố trong và ngoài nước nhằm làm sáng tỏ cơ sở lý luận về tác động của LI đến hiệu quả HĐKD trong doanh nghiệp và đề xuất khung phân tích đánh giá tác động của LI tới hiệu quả HĐKD trong doanh nghiệp cho các nghiên cứu tiếp theo. Phương pháp tiếp cận hệ thống được sử dụng để nghiên cứu tác động trong mối quan hệ tương tác giữa các hợp phần. Yếu tố ảnh hưởng tới LI gồm nhóm yếu tố bên trong và nhóm yếu tố bên ngoài doanh nghiệp; tác động của LI tới hiệu quả HĐKD của doanh nghiệp mang tính tổng hợp, được thể hiện qua hiệu quả quản lý kho, quản lý cung ứng, quản lý đơn hàng và quản lý vận tải.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA THÔNG TIN LOGISTICS ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

2.1. Khái niệm thông tin logistics trong doanh nghiệp

Logistics là một phần của chuỗi cung ứng, hoạt động logistics bao gồm mua hàng, dự trữ, vận chuyển, phân phối, xử lý, đóng gói, dịch vụ khách hàng... (Nagy-Bota & Moldovan, 2022; Omoush, 2022). Quản trị logistics được xem là một bộ phận cấu thành của quản lý chuỗi cung ứng, tập trung vào việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát hiệu quả dòng chảy xuôi và ngược của hàng hóa, dịch vụ và thông tin từ điểm khởi phát đến điểm tiêu thụ nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng (Stock & Lambert, 2001). Thông tin logistics được hình thành và phát triển song song với sự phát triển của hoạt

động logistics trong doanh nghiệp, đóng vai trò quan trọng trong quản trị logistics, đó là lĩnh vực then chốt trong quản lý chuỗi cung ứng. Đồng quan điểm, Ding (2023) cho rằng: “Logistics bao gồm một số thành phần, như vận chuyển, lưu trữ, quản lý hàng tồn kho, đóng gói và xử lý thông tin”. Theo Winter (2008): “Thông tin logistics bao gồm việc lập kế hoạch, kiểm soát và thực hiện toàn bộ các luồng dữ liệu giữa các đơn vị cũng như lưu trữ và cung cấp dữ liệu đó”. Trong đó, Winter nhấn mạnh chỉ những luồng dữ liệu phục vụ ra quyết định mới thuộc LI. Thông tin logistics là hệ thống lưu trữ dữ liệu đã được xử lý nhằm cung cấp giá trị hữu ích cho các quyết định quản trị hiệu quả (Shcherbakov, 2009). Mục tiêu của LI là mang lại thông tin đúng lúc cho người dùng mục tiêu và tối ưu hóa quá trình cung cấp thông tin, tức là cung cấp thông tin đúng đắn vào đúng thời điểm và đúng địa điểm (Karim & cs., 2009). Từ các phân tích trên, có thể rút ra *LI là tập hợp các dòng thông tin được cung cấp bởi quá trình thu thập, xử lý, phân tích, lưu trữ, tìm kiếm và phân phối thông tin liên quan tới hoạt động logistics trong doanh nghiệp nhằm phục vụ cho công tác quản trị logistics bao gồm hoạt động cung ứng, lưu kho, quản lý đơn hàng và vận chuyển.*

Thông tin logistics đóng vai trò quan trọng trong hoạt động quản trị logistics, hỗ trợ cho nhóm chức năng chính của hoạt động này bao gồm: (1) Hoạt động lập kế hoạch, bao gồm dự báo nhu cầu, lựa chọn phương thức vận chuyển, tối ưu tuyến đường và hoạch định lưu trữ; (2) Hoạt động thực hiện, yêu cầu tổ chức và điều phối chặt chẽ các công đoạn trong chuỗi cung ứng, từ mua sắm nguyên liệu, sản xuất, vận chuyển đến phân phối và (3) Hoạt động kiểm soát, bao gồm giám sát hiệu suất logistics, phát hiện và xử lý sai lệch trong quá trình thực thi. Các hoạt động này có sự phối hợp chặt chẽ với nhau và có sự hỗ trợ tích cực bởi LI. Theo Lewczuk & Kłodawski (2020) cùng với các luồng vật chất, LI là nền tảng của các quy trình logistics, là thông tin hữu ích trong quản lý và kiểm soát logistics. Hoạt động logistics chuỗi cung ứng sẽ tạo ra LI từ đầu đến cuối, do đó quản lý hiệu quả LI trong chuỗi cung ứng là cơ sở quan trọng để cải thiện hiệu quả logistics, giảm chi phí logistics, cải thiện mức độ

dịch vụ và thực hiện phân bổ nguồn lực logistics (Zhiwen & cs., 2020). Bên cạnh đó, LI đóng vai trò như trục kết nối xuyên suốt các hoạt động logistics, từ đặt hàng, mua hàng, sản xuất, đóng gói, vận chuyển, kho bãi, phân phối đến thanh toán và giao hàng (Baojun, 2021) nhằm bảo đảm dòng chảy logistics vận hành hiệu quả, hướng đến mục tiêu cuối cùng là gia tăng giá trị cho khách hàng (Hình 1).

2.2. Nội dung nghiên cứu về thông tin logistics

Như đã phân tích, LI xuất hiện từ đầu đến cuối hoạt động logistics chuỗi cung ứng, do vậy nội dung nghiên cứu về LI đã được phát triển và mở rộng qua nhiều góc tiếp cận trong các tài liệu học thuật và thực tiễn. Tổng thể, các nghiên cứu tập trung chủ yếu vào ba khía cạnh trọng tâm gồm: Cấu trúc thông tin (Bowersox & cs., 2020), chức năng của thông tin (Nguyễn Tiến Minh & cs., 2022) và nội dung thông tin (Kazakov, 2022) được trình bày trong bảng 1.

Cấu trúc thông tin logistics:

LI trong doanh nghiệp bao gồm hai dòng chính: (i) Dòng hoạch định - phối hợp và (ii) Dòng tác nghiệp (Bowersox & cs., 2020; Moberg & cs., 2002).

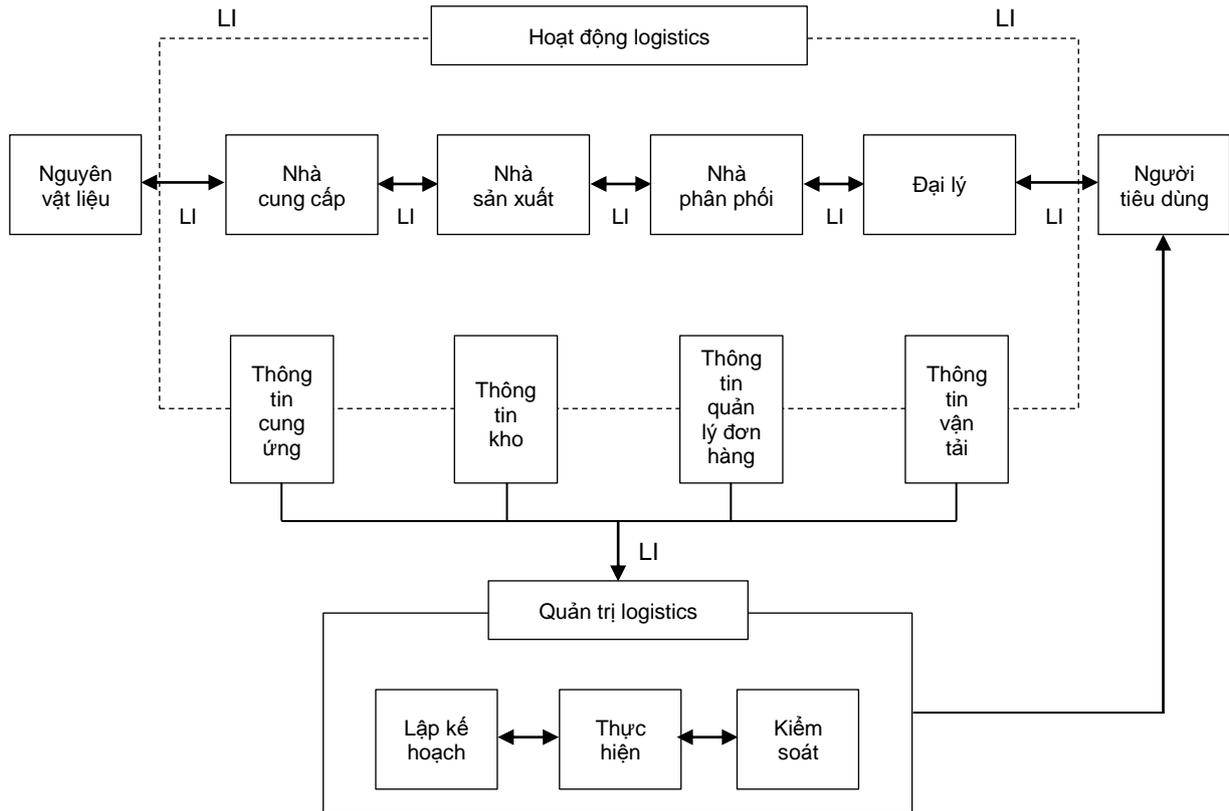
(i) Dòng hoạch định - phối hợp liên quan đến các thông tin phục vụ hoạt động lập kế hoạch tổng thể, được triển khai xuyên suốt trong quá trình vận hành doanh nghiệp. LI góp phần quan trọng trong quá trình hoạch định nguồn lực tổng thể của doanh nghiệp (Somuyiwa & Adewoye, 2010), giúp lựa chọn chiến lược vận hành phù hợp với mục tiêu kinh doanh. Theo Nguyễn Tiến Minh & cs. (2022), kế hoạch nguồn lực được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển và đóng vai trò xác định khả năng đáp ứng của các nguồn lực logistics.

(ii) Dòng thông tin tác nghiệp là công cụ hỗ trợ kiểm soát và điều hành toàn bộ quy trình logistics. Ngoài ra, LI đóng vai trò là cầu nối trong việc truyền tải dữ liệu giữa các tác nhân trong chuỗi cung ứng, bao gồm khách hàng, nhân sự nội bộ, nhà cung cấp và đội ngũ quản lý (Prieya & Sankaranarayanan, 2014). Theo Nguyễn Tiến Minh & cs. (2022), chức năng vận

hành của hệ thống LI thể hiện thông qua chuỗi hoạt động như: tạo đơn đặt hàng, nhập và xử lý đơn hàng, theo dõi tiến độ thực hiện và quản lý nhà cung cấp.

Giao điểm giữa 2 dòng này là quản lý dự trữ (Hình 2) nhằm giúp duy trì sự hoạt động liên tục và hiệu quả ở trong dòng cung ứng sản phẩm, tránh xảy ra sự gián đoạn đứt gãy chuỗi cung

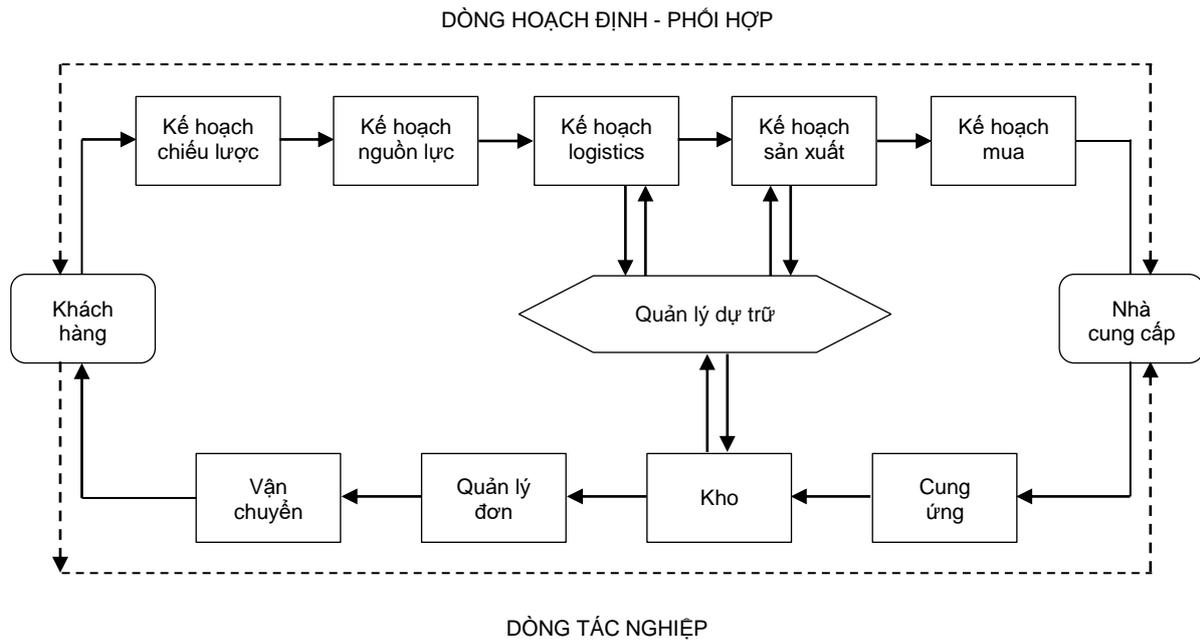
ứng (Nguyễn Tiến Minh & cs., 2022). Quản trị dự trữ đóng vai trò như cầu nối trung tâm, cho phép các quyết định chiến lược và kế hoạch ở cấp cao (như sản xuất, logistics) được thực thi hiệu quả tại cấp độ vận hành, đồng thời đảm bảo rằng thông tin phản hồi từ thực tiễn hoạt động phân phối có thể quay ngược trở lại để điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, mua hàng, phân phối.



Hình 1. Mối liên hệ giữa thông tin logistics, hoạt động logistics và quản trị logistics

Bảng 1. Nội dung nghiên cứu thông tin logistics

Cách phân loại	Nội dung	Mục đích sử dụng	Nguồn
Cấu trúc thông tin	- Thông tin hoạch định/ phối hợp - Thông tin tác nghiệp	Làm rõ sự chuyển dịch của dòng LI được sử dụng từ quá trình lập kế hoạch (hoạch định chiến lược, kế hoạch sản xuất - phân phối) đến hỗ trợ hoạt động tác nghiệp trong doanh nghiệp (vận chuyển, giao nhận, kiểm soát tồn kho).	Moberg & cs. (2002); Bowersox & cs. (2020)
Chức năng	- Chức năng lập kế hoạch - Chức năng vận hành - Chức năng hợp tác	Thể hiện chức năng của LI trong công tác lập kế hoạch hoạt động, tổ chức vận hành hệ thống logistics và chia sẻ thông tin trong doanh nghiệp.	Nguyễn Tiến Minh & cs. (2022)
Nội dung thông tin	- Thông tin cung ứng - Thông tin kho - Thông tin quản lý đơn hàng - Thông tin vận tải	Đảm bảo chuỗi cung ứng được diễn ra liên tục, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động logistics và hiệu quả HĐKD tổng thể của doanh nghiệp.	Zu & cs. (2021); Kazakov (2022)



Hình 2. Dòng thông tin logistics trong doanh nghiệp

Chức năng của thông tin logistics

Theo Nguyễn Tiến Minh & cs. (2022), chức năng của LI gắn liền với các hoạt động cốt lõi trong hệ thống logistics doanh nghiệp, bao gồm: lập kế hoạch, thực hiện yêu cầu khách hàng, quản lý hàng tồn kho, cung ứng, vận chuyển và lưu kho. Do đó, LI tham gia vào hoạt động quản trị logistics với ba chức năng chính là (i) Chức năng lập kế hoạch đóng vai trò trung tâm, hỗ trợ xây dựng các kế hoạch đáp ứng nhu cầu khách hàng, kế hoạch quản lý tồn kho, cung ứng, vận chuyển và lưu trữ hàng hóa một cách hiệu quả. LI được xây dựng dựa trên nền tảng kho dữ liệu được thu thập, lưu trữ hỗ trợ xây dựng các báo cáo quản trị, phân tích hoạt động và ra quyết định chiến lược trong quản lý logistics và (ii) Chức năng vận hành đảm bảo duy trì hoạt động logistics thông suốt thông qua hệ thống các cấp chức năng như tiếp nhận và xử lý phản hồi khách hàng, quản lý tồn kho, điều phối cung ứng và quản lý vận tải. Mỗi hệ thống này hoạt động như một mắt xích trong chuỗi giá trị logistics, dựa trên nền tảng thông tin chính xác và kịp thời; (iii) Chức năng hợp tác của LI thể hiện qua khả năng chia sẻ dữ liệu giữa các bộ phận nội bộ cũng như giữa doanh nghiệp và

đối tác trong chuỗi cung ứng, từ đó thúc đẩy quá trình phối hợp lập kế hoạch và triển khai hoạt động logistics một cách đồng bộ.

Nội dung thông tin Logistics

Theo Zu & cs. (2021), nội dung LI trong doanh nghiệp được phân thành bốn nhóm chính (Bảng 1). Các nhóm thông tin này đóng vai trò hỗ trợ thực hiện chức năng cốt lõi trong quản trị logistics, bao gồm: lập kế hoạch, kiểm soát và kết nối giữa bộ phận nội bộ cũng như với đối tác bên ngoài doanh nghiệp. Cụ thể: (i) Thông tin cung ứng: Bao gồm chuỗi dữ liệu kết nối nhà cung cấp, nhà sản xuất và khách hàng trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh vòng đời sản phẩm ngày càng rút ngắn, công nghệ phát triển nhanh và thông tin lan tỏa toàn cầu, các doanh nghiệp và đối tác logistics buộc phải tìm kiếm giải pháp mới nhằm đảm bảo vận chuyển hàng hóa chất lượng cao, đúng thời hạn (Kumar & Pugazhendhi, 2012). Trong lĩnh vực này LI thể hiện qua các bản dự báo nhu cầu, báo cáo tiến độ cung ứng, biên bản khắc phục sự cố trong quá trình vận hành chuỗi cung ứng; (ii) Thông tin quản lý tồn kho: Gồm dữ liệu liên quan đến chi phí lưu kho, quản lý tài sản, hoạt động bổ sung hàng hóa, dự báo nhu cầu, định

giá hàng tồn, giám sát hàng lỗi/ hàng trả lại và khả năng hiển thị hàng tồn kho theo thời gian thực (Ndung’U & Were, 2016). Những thông tin này góp phần tối ưu hóa tồn kho, giảm thiểu chi phí và rủi ro đứt gãy cung ứng; (iii) Thông tin quản lý đơn hàng: Theo Mentzer & Moon (2004), việc xử lý hiệu quả thông tin đơn hàng và phản hồi kịp thời yêu cầu từ khách hàng là yếu tố then chốt để đảm bảo sản phẩm được giao đúng thời gian, đúng chất lượng, lúc này LI bao gồm kế hoạch tiêu thụ, báo cáo tiến độ thực hiện đơn hàng và phân tích các sự cố phát sinh trong quá trình xử lý đơn hàng và (iv) Thông tin vận tải: Được thể hiện qua kế hoạch lịch trình vận chuyển, báo cáo kết quả vận hành và phân tích tình trạng thực hiện kế hoạch giao nhận. Thông qua hệ thống LI, doanh nghiệp có thể tối ưu hóa phương thức vận tải dựa trên chi phí và thời gian, đồng thời giám sát hàng hóa trong suốt quá trình luân chuyển (Bowersox & cs., 2020).

2.3. Yêu cầu với thông tin logistics trong doanh nghiệp

Yêu cầu của LI là thông tin phải phục vụ cho việc ra quyết định (Winter, 2008). Do đó, yếu tố đáp ứng nhu cầu ra quyết định của nhà quản trị trở thành điểm then chốt trong việc xây dựng các yêu cầu với LI. Kết quả tổng hợp các công trình nghiên cứu trước đây cho thấy có thể

phân thành bốn nhóm yêu cầu đối với LI, cụ thể bao gồm (1) Tính phù hợp, (2) Tính kịp thời, (3) Tính tin cậy, (4) Tính bảo mật (Bảng 2).

Yêu cầu tính phù hợp của LI có nghĩa LI phải hướng tới hỗ trợ ra quyết định, được thiết kế để giúp người ra quyết định lựa chọn giữa các phương án (Winter, 2008), giúp nhà quản trị lựa chọn phương án tối ưu và hạn chế sai lệch trong quá trình truyền đạt (Omar & cs., 2010).

Yêu cầu tính kịp thời của LI thể hiện ở mức độ cung cấp đúng thời điểm mà quá trình ra quyết định trong hoạt động logistics (Omar & cs., 2010). Theo Bekele & Anbessa (2021), yêu cầu cốt lõi đối với LI là thông tin phải được cung cấp đúng, đủ, kịp thời, đúng nơi ra quyết định, gửi báo cáo đúng hạn cho cấp trên.

Yêu cầu tính tin cậy cho thấy mức độ người dùng có thể tin tưởng vào thông tin (Li, 2014). Theo Bekele & Anbessa (2021), thông tin cần có độ sai lệch thấp để đảm bảo tính chính xác của thông tin.

Yêu cầu tính bảo mật của LI không chỉ nhằm ngăn chặn rò rỉ dữ liệu, bảo vệ lợi ích nội bộ mà còn tạo niềm tin trong hợp tác chuỗi cung ứng, dữ liệu logistics liên quan đến dữ liệu khách hàng, hợp đồng, tuyến vận chuyển, chi phí và đối tác, nên yêu cầu cao về bảo mật (Phạm Quốc Thuận, 2022).

Bảng 2. Yêu cầu với thông tin logistics trong doanh nghiệp

Yêu cầu	Giải thích	Biểu hiện	Nguồn
Phù hợp	Tính hữu dụng của thông tin với người sử dụng	- Tính liên quan - Tính nhất quán - Đầy đủ - Dễ hiểu	Miller (2005); Hong & cs. (2008); Phạm Quốc Thuận (2022)
Kịp thời	Tính thời sự của thông tin	- Thời gian cung cấp thông tin - Mức độ cập nhật - Mức độ sẵn có	Hong & cs. (2008); Omar & cs. (2010); Alá & Černá (2012)
Tin cậy	Sự tin tưởng của người sử dụng với thông tin	- Kiểm chứng được - So sánh được - Không sai sót - Khách quan	Miller (2005); Alá & Černá (2012); Võ Văn Hiền & cs. (2021)
Bảo mật	Mức độ an toàn trong việc khai thác, sử dụng và bảo quản thông tin	- Phân quyền truy cập - Trách nhiệm người cung cấp thông tin - Lưu trữ thông tin	Alá & Černá (2012); Algrari & Ahmed (2019); Phạm Quốc Thuận (2022)

Bảng 3. Yếu tố ảnh hưởng đến thông tin logistics trong doanh nghiệp

Yếu tố ảnh hưởng	Tiêu chí đánh giá	Thang đo	Nguồn
I. YẾU TỐ BÊN TRONG			
1. Đặc điểm doanh nghiệp			
Quy mô doanh nghiệp	Số lượng nhân sự hoặc doanh thu hàng năm	Số lượng hoặc triệu đồng	Chindove & Mdege (2012)
Phạm vi hoạt động	Tỷ trọng doanh thu từ thị trường quốc tế	% doanh thu quốc tế hoặc phân loại	Ngai & cs. (2008); Flynn & cs. (2010)
Đặc thù ngành nghề	Loại hình kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ)	Biến phân loại	Lin (2007); Prieya & Sankaranarayanan (2014); Sario (2017)
Loại hình sở hữu	FDI, DDI, liên doanh	Biến phân loại	Lin (2007); Ngai & cs. (2008)
2. Cam kết của lãnh đạo			
Mức độ ưu tiên LI	Tích hợp LI vào chiến lược phát triển tổ chức	Likert 1-5	Prieya & Sankaranarayanan (2014)
Sự tham gia trực tiếp của lãnh đạo	Tham dự họp, điều phối trực tiếp triển khai hệ thống LI	Likert 1-5 hoặc có/không	Prieya & Sankaranarayanan (2014)
Duy trì ngân sách ổn định	Phân bổ% ngân sách cố định cho hệ thống LI mỗi năm	% ngân sách hoặc Likert 1-5	Gunasekaran & cs. (2001)
3. Hạ tầng công nghệ thông tin			
Khả năng tích hợp hệ thống	Kết nối LI với ERP, CRM, SCM nội bộ	Có/Không	Lin (2007); Sario (2017)
Tốc độ xử lý dữ liệu	Thời gian truy xuất trung bình từ hệ thống LI	Trung bình một giờ/ ngày/ tháng.	Prieya & Sankaranarayanan (2014)
Tỷ lệ lỗi hệ thống	Số lỗi kỹ thuật hoặc gián đoạn trong kỳ	% hoặc số lần	Ngai & cs. (2008); Chaudhari (2019)
4. Trình độ và chấp nhận công nghệ của người dùng			
Hiểu biết về LI	Đánh giá nhận thức người dùng qua khảo sát/ kiểm tra	Likert 1-5	DeLone & McLean (2003)
Tỷ lệ đào tạo nhân viên	Tỷ lệ nhân viên đã qua đào tạo về LI trong năm	% nhân sự	Prieya & Sankaranarayanan (2014)
Mức độ hài lòng và sẵn sàng sử dụng	Thái độ người dùng với hệ thống LI trong khảo sát nội bộ	Likert 1-5	Cho (2007)
II. YẾU TỐ BÊN NGOÀI			
1. Chính sách và hỗ trợ từ chính phủ / KCN			
Hỗ trợ tài chính, thuế hoặc kỹ thuật	Hỗ trợ của nhà nước với doanh nghiệp	Có/không	Lin (2007); Agafonova & cs. (2020)
Cơ hội tiếp cận đào tạo, chuyển đổi số	Tham gia hội thảo/ khóa học do Nhà nước/KCN tổ chức	Có/không	Prieya & Sankaranarayanan (2014)
Đánh giá vai trò chính sách công	Mức độ ảnh hưởng của chính sách nhà nước đối với LI	Likert 1-5	Liu & cs. (2024)
2. Trình độ công nghệ đối tác chuỗi cung ứng			
Tỷ lệ tích hợp hệ thống	% đối tác có thể kết nối API hoặc EDI	%	Ngai & cs., (2008); Sario (2017)
Độ trễ trao đổi dữ liệu	Thời gian từ lúc gửi yêu cầu tới khi nhận được dữ liệu	Giờ/ngày/tháng/ năm	Prieya & Sankaranarayanan (2014)
Mức độ hài lòng khi chia sẻ dữ liệu với đối tác	Đánh giá từ bộ phận vận hành	Likert 1-5	Abu-Shanab & Subaih (2019)
3. Áp lực cạnh tranh và kỳ vọng khách hàng			
Tỷ lệ khách hàng yêu cầu dịch vụ thời gian thực	Đơn hàng yêu cầu theo dõi real-time logistics	% đơn hàng	Chaudhari (2019)
Khiếu nại liên quan tới LI	Số lượng hoặc tỷ lệ phản hồi tiêu cực về LI	% khiếu nại	Prieya & Sankaranarayanan (2014)
Mức độ áp lực cải tiến LI do thị trường	Cảm nhận của doanh nghiệp về áp lực từ đối thủ và khách hàng	Likert 1-5	Lin (2007); Yang & Lu (2012)

Bảng 4. Ảnh hưởng của thông tin logistics tới hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

Tác giả	Quốc gia	Kết luận chính
Kawasaki & cs. (2011)	Việt Nam	Cải thiện kiểm soát, lập kế hoạch và dịch vụ khách hàng, kiểm soát tốt hơn các hoạt động kho, rút ngắn thời gian sản xuất, giảm chi phí và dịch vụ tốt hơn cho khách hàng.
Meyer & cs. (2014)	Hà Lan	Tăng cường giám sát hoạt động doanh nghiệp một cách toàn diện, phát hiện các vấn đề trong quá trình thực hiện kế hoạch, giảm chi phí vận chuyển, cải thiện việc giao hàng và dịch vụ đúng hạn
Ndonye (2014)	Kenya	Nâng cao hệ thống quản lý hàng tồn kho và hệ thống quản lý vận tải.
Macharia & cs. (2015)	Kenya	Cải thiện hiệu suất từ tích hợp hệ thống thông tin và cung ứng dịch vụ, giảm chi phí an ninh do đó cải thiện lợi nhuận của doanh nghiệp.
Zawawi & cs. (2016)	Malaysia	Tác động tích cực đến việc tiết kiệm thời gian, chi phí vận chuyển hàng hoá, duy trì hiệu suất cạnh tranh và lợi thế của doanh nghiệp.

2.4. Yếu tố ảnh hưởng tới thông tin logistics trong doanh nghiệp

Thông tin logistics đóng vai trò trung tâm trong việc nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng, tối ưu hóa vận hành và hỗ trợ ra quyết định trong doanh nghiệp, tuy nhiên hiệu quả của LI phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Tổng quan các nghiên cứu trước cho thấy, yếu tố ảnh hưởng tới LI được chia thành hai nhóm: (1) yếu tố bên trong và (2) yếu tố bên ngoài doanh nghiệp (Bảng 3).

Yếu tố bên trong quyết định khả năng hình thành, xử lý và sử dụng LI. Doanh nghiệp quy mô lớn thường đầu tư mạnh vào hạ tầng dữ liệu và khả năng tích hợp thông tin (Chindove & Mdege, 2012). Cam kết của lãnh đạo giữ vai trò định hướng chiến lược - khi lãnh đạo tích hợp LI vào kế hoạch phát triển, cấp ngân sách ổn định và trực tiếp giám sát triển khai, hệ thống LI đạt hiệu quả và tính bền vững cao hơn (Prieya & Sankaranarayanan, 2014). Yếu tố hạ tầng công nghệ thông tin là nền tảng kỹ thuật quyết định hiệu quả dòng dữ liệu, việc tích hợp LI với các hệ thống ERP, CRM hoặc SCM giúp bảo đảm dòng thông tin thống nhất, kịp thời và giảm lỗi kỹ thuật (Lin, 2007; Chaudhari, 2019). Cuối cùng, trình độ và sự chấp nhận công nghệ của người dùng đóng vai trò trung tâm trong việc vận hành và khai thác hệ thống. Khi nhân viên có hiểu biết, được đào tạo và sẵn sàng sử dụng công nghệ sẽ tăng khả năng chia sẻ, phân tích và ứng dụng thông tin hiệu quả (DeLone & McLean, 2003; Cho, 2007).

Nhóm yếu tố bên ngoài ảnh hưởng tới LI như các vấn đề về chính sách và hỗ trợ của Nhà nước, trình độ đối tác trong chuỗi cung ứng và áp lực cạnh tranh cũng như kỳ vọng của khách hàng. Trước hết, chính sách và hỗ trợ từ Nhà nước hoặc KCN có vai trò định hướng phát triển LI thông qua các ưu đãi tài chính, đào tạo và khung pháp lý thúc đẩy chuyển đổi số (Agafonova & cs., 2020; Liu & cs., 2024). Tiếp đó, trình độ công nghệ của đối tác chuỗi cung ứng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng trao đổi dữ liệu, quyết định khả năng đồng bộ dữ liệu giữa các bên (Ngai & cs., 2008; Sario, 2017; Abu-Shanab & Subaih, 2019). Cuối cùng, áp lực cạnh tranh và kỳ vọng của khách hàng buộc doanh nghiệp liên tục cải tiến LI để đáp ứng nhu cầu dịch vụ thời gian thực và nâng cao tính minh bạch của chuỗi cung ứng (Lin, 2007; Yang & Lu, 2012; Chaudhari, 2019).

2.5. Tác động của thông tin logistics đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

Tổng quan nhiều công trình nghiên cứu cho thấy LI có chất lượng cao góp phần củng cố và tăng cường hiệu quả HĐKD trong doanh nghiệp. Cụ thể, LI hỗ trợ tối ưu quyết định liên quan tới cải thiện kiểm soát, lập kế hoạch và tối ưu cung cấp dịch vụ khách hàng. Các tác động của LI ảnh hưởng tích cực đến hiệu suất hoạt động logistics cũng như hiệu quả HĐKD trong doanh nghiệp (Bảng 4).

Bảng 5. Chỉ tiêu đánh giá tác động của thông tin logistics tới hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nguồn
Nâng cao hiệu quả quản lý cung ứng	- Chi phí mua hàng - Chi phí giá vốn hàng bán - Thời gian cung ứng - Hiệu suất cung ứng	Van Weele (2010); Dash & cs. (2019); Christopher (2022)
Nâng cao hiệu quả quản lý kho	- Chi phí lưu kho - Vòng quay hàng tồn kho - Thời gian lưu kho - Tỷ lệ lưu kho - Tồn kho hao hụt	Lapide (2000); Alperovych & cs. (2015); Phạm Hồng Vích & cs. (2020)
Nâng cao hiệu quả quản lý đơn hàng	- Số lượng đơn hàng - Tốc độ tăng trưởng của đơn hàng - Thời gian giao hàng - Tỷ lệ giao hàng đúng hạn	Hofmann (2013); Shukla (2016); Phạm Hồng Vích & cs. (2020)
Nâng cao hiệu quả vận tải	- Chi phí vận chuyển hàng bán/doanh thu - Chi phí vận chuyển hàng bán/Tổng số đơn hàng - Tỷ lệ hoàn thành đơn hàng - Tỷ lệ hàng bị trả lại	Lapide (2000); Phạm Hồng Vích & cs. (2020); Xin & cs. (2022)
Nâng cao hiệu quả HĐKD tổng hợp	- ROA - ROE - ROS - Tăng trưởng doanh thu - Tăng trưởng lợi nhuận - Thị phần	Nguyễn Thị Thu Trang & cs. (2020); Đỗ Thị Vân Trang & cs. (2022)

Theo Tsai & cs. (2011) hiệu quả HĐKD của doanh nghiệp được xét trên hai nhóm: (i) Hiệu suất quy trình nội bộ - bao gồm đơn giản hóa quy trình, nâng cao tính chính xác và kịp thời của dữ liệu, cải thiện truyền thông nội bộ và (ii) Hiệu suất tài chính - thể hiện qua việc tăng doanh số, giảm vòng quay tồn kho, tăng vòng quay khoản phải thu và nâng cao biên lợi nhuận. Kết quả tổng hợp các công trình nghiên cứu liên quan và phân nhóm các nội dung cho ra năm tiêu chí đánh giá tác động của LI tới hiệu quả HĐKD gồm: (1) Nâng cao hiệu quả cung ứng, (2) Nâng cao hiệu quả quản lý kho, (3) Nâng cao hiệu quả quản lý đơn hàng, (4) Nâng cao hiệu quả vận tải và (5) Nâng cao hiệu quả HĐKD tổng hợp (Bảng 5). Mỗi nhóm chỉ tiêu phản ánh một cấp độ ảnh hưởng khác nhau của LI đến hiệu quả HĐKD trong doanh nghiệp.

Một trong số các tác động của LI trong nâng cao hiệu quả cung ứng như hỗ trợ cho các quyết định đàm phán hợp đồng tốt hơn, báo cáo theo dõi và dự báo sản phẩm tốt hơn, tăng cường trao đổi thông tin, giảm thiểu chi phí chuỗi cung ứng và logistics. Điều này có thể được thể hiện qua các chỉ tiêu như chi phí mua hàng, giá vốn mua hàng, thời gian cung ứng và hiệu suất cung ứng (Van Weele, 2010; Dash & cs., 2019; Christopher, 2022).

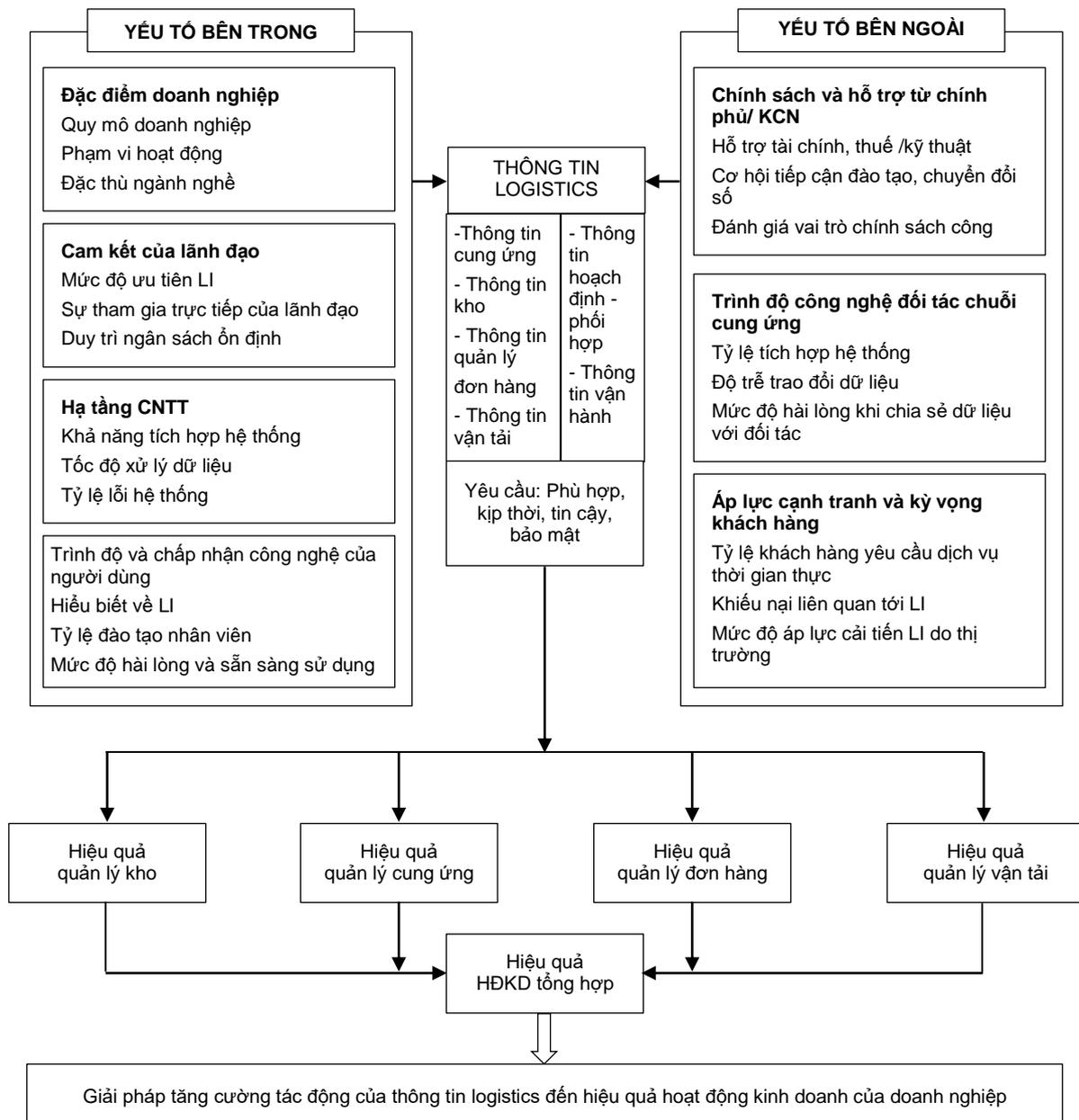
Tác động của LI tới hiệu quả quản lý kho có thể thấy thông qua các lợi ích của việc triển khai LI là giảm thời gian lưu kho, chi phí lưu kho, tăng vòng quay lưu kho và giảm chi phí hao hụt lưu kho (Lapide, 2000; Alperovych & cs., 2015, Phạm Hồng Vích & cs., 2020). Thông qua LI, kết nối trực tiếp thông tin sản xuất và

bán hàng được đảm bảo, giúp giảm đáng kể chi phí lưu thông, sản xuất, bán hàng và rút ngắn thời gian luân chuyển hàng tồn kho (Wei, 2017).

Thông tin logistics có thể mang lại những lợi ích trong quản lý đơn hàng do sự hỗ trợ của LI trong việc thiết lập hợp lý lịch trình, khách hàng được phục vụ đúng thời điểm, tăng năng suất và tốc độ giao hàng (Chaudhari, 2019). Điều này có thể được đánh giá thông qua các chỉ tiêu như: Số lượng đơn hàng, tốc độ tăng trưởng của đơn hàng, thời gian giao hàng và tỷ lệ giao

hàng đúng hạn (Hofmann, 2013; Shukla, 2016; Phạm Hồng Vích & cs., 2020).

Thông tin logistics tác động đến cả hoạt động vận hành và chiến lược của tổ chức do đó tác động đến hiệu suất logistics tổng thể của doanh nghiệp (Bouzida & Merzoug, 2021). Tựu chung lại, vai trò của LI đối với HĐKD của doanh nghiệp ngày càng cao mà một trong số các nguyên nhân là do nhu cầu về hoạt động logistics càng ngày càng mở rộng (Kazakov, 2022).



Hình 3. Khung phân tích lý luận tác động của thông tin logistics đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

2.6. Xây dựng khung phân tích tác động của thông tin logistics đến hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

Trên cơ sở tổng quan về lý luận, nghiên cứu đề xuất khung phân tích lý luận tác động của LI tới hiệu quả HĐKD trong doanh nghiệp (Hình 3). Nghiên cứu đánh giá LI dựa trên các tiêu chí về tính phù hợp, kịp thời, tin cậy và bảo mật, qua đó đánh giá tác động của LI tới việc nâng cao hiệu quả quản lý cung ứng, hiệu quả quản lý kho, hiệu quả quản lý đơn hàng và hiệu quả quản lý vận tải, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả HĐKD trong doanh nghiệp. Yếu tố bên trong và bên ngoài doanh nghiệp cũng được đánh giá về mức độ ảnh hưởng tới LI.

3. KẾT LUẬN

Kết quả tổng hợp các vấn đề về lý luận cho thấy LI tác động tới hiệu quả HĐKD của doanh nghiệp trên các khía cạnh hiệu quả quản lý, hiệu quả cung ứng, hiệu quả quản lý đơn hàng, hiệu quả vận tải. Thông tin logistics bao gồm thông tin cung ứng, thông tin quản lý kho, thông tin đơn hàng và thông tin vận tải với các yêu cầu tính bảo mật, kịp thời, phù hợp và tin cậy nhằm đảm bảo dòng thông tin hoạch định - phối hợp và dòng thông tin vận hành của doanh nghiệp. Các yếu tố như đặc điểm doanh nghiệp, cam kết lãnh đạo, hạ tầng CNTT, trình độ và chấp nhận công nghệ của người dùng là những yếu tố bên trong ảnh hưởng tới LI. Ngoài ra, yếu tố bên ngoài như chính sách và hỗ trợ từ Chính phủ, trình độ công nghệ của đối tác trong chuỗi cung ứng cũng như áp lực cạnh tranh và kỳ vọng của khách hàng có những ảnh hưởng nhất định tới LI. Đánh giá tác động của LI tới hiệu quả HĐKD của doanh nghiệp có thể thông qua các chỉ tiêu nâng cao hiệu quả cung ứng (chi phí mua hàng, chi phí giá vốn hàng bán), nâng cao hiệu quả quản lý kho (chi phí lưu kho, vòng quay hàng tồn kho) nâng cao hiệu quả quản lý đơn hàng (số lượng đơn hàng, tốc độ tăng trưởng của đơn hàng), nâng cao hiệu quả quản lý vận tải (chi phí vận chuyển hàng vắn, tỷ lệ hoàn thành đơn hàng). Nghiên cứu tác động của LI tới hiệu quả HĐKD

của doanh nghiệp là yếu tố quan trọng nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện LI hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả HĐKD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abu-Shanab E. & Subaih, A. (2019). The Role of Knowledge Sharing and Employees' Satisfaction in Predicting Organisational Innovation. *Journal of Information & Knowledge Management*. 18(03): 1-25.
- Agafonova A.N., Pokrovskaya O.D. & Merkulina I.A. (2020). Digital Transformation of Logistics and SCM, 18th International Scientific Conference "Problems of Enterprise Development: Theory and Practice". pp. 522-529.
- Alá J. & Černá E. (2012). Information Quality, Its Dimension and the Basic Criteria for Assessing Information Quality. *Research Papers Faculty of Materials Science and Technology Slovak University of Technology*. 20(Special-Number): 86-93.
- Algrari A.Y. & Ahmed M.R.M. (2019). The impact of accounting information systems' quality on accounting information quality. *Journal of Information Technology Management*. 11(3): 62-80.
- Alperovych Y., Hübner G. & Lobet F. (2015). How does governmental versus private venture capital backing affect a firm's efficiency? Evidence from Belgium. *Journal of Business Venturing*. 30(4): 508-525.
- Baojun W. (2021). Effects of information technology enabled logistics base stations network on operational costs of logistics companies: Case of Kenya [PhD Thesis, Strathmore University].
- Belkacem Bouzida I. & Merzoug S. (2021). Impact of Logistics Information Systems on Logistics Performance. *La Revue des Sciences Commerciales*. 20(1): 147-167.
- Bekele A. & Anbessa G.T. (2021). Logistics Management Information System Performance of Program Medicines in Public Health Facilities of East Gojjam Zone, Northwest Ethiopia: A Cross-Sectional Study. *Journal of Multidisciplinary Healthcare*. 14: 81-89.
- Bowersox D.J., Closs D.J., Cooper M.B. & Bowersox J.C. (2020). *Supply chain logistics management*. McGraw-Hill.
- Chaudhari N. (2019). Impact of automation technology on logistics and supply chain management. *American Journal of Theoretical and Applied Business*. 5(3): 53-58.
- Chindove S. & Mdege N.D. (2012). Logistics data collection and reporting for essential Medicines in

- developing countries: A Review. *Journal of Health Management*. 14(4): 397-408.
- Cho V. (2007). A study of the impact of organizational learning on information system effectiveness. *International Journal of Business and Information*. 2(1): 127-158.
- Christopher M. (2022). *Logistics and supply chain management*. 6th Edition. Pearson UK.
- Dash R., McMurtrey M., Rebman C. & Kar U.K. (2019). Application of artificial intelligence in automation of supply chain management. *Journal of Strategic Innovation and Sustainability*. 14(3): 43-53.
- DeLone W.H. & McLean E.R. (2003). The DeLone and McLean model of information systems success: A ten-year update. *Journal of Management Information Systems*. 19(4): 9-30.
- Ding H. (2023). History Issues and Future Scope of Logistics and Supply Chain. *Journal of Enterprise and Business Intelligence*. 3(2): 095-105.
- Đỗ Thị Vân Trang & Phan Thùy Dương (2022). Các yếu tố tác động đến rủi ro tài chính trong doanh nghiệp bất động sản: Đánh giá từ mô hình hồi quy phân vị. *Tạp chí Khoa học Thương mại*. 162: 70-78.
- Flynn B.B., Huo B. & Zhao X. (2010). The impact of supply chain integration on performance: A contingency and configuration approach. *Journal of Operations Management*. 28(1): 58-71.
- Giménez C. & Ventura E. (2003). Logistics-Production, Logistics-Marketing and External Integration: Their Impact on Performance. *SSRN Electronic Journal*.
- Gunasekaran A., Patel C. & Tirtiroglu E. (2001). Performance measures and metrics in a supply chain environment. *International Journal of Operations & Production Management*. 21(1/2): 71-87.
- Hofmann, E. (2013). Book review: *Supply chain management: Strategy, planning, and operation* (S. Chopra & P. Meindl). *Journal of Purchasing and Supply Management*, 19(3), 212-213.
- Hong P., Youn S. & Nahm A. (2008). Supply chain partnerships and supply chain integration: The mediating role of information quality and sharing. *International Journal of Logistics Systems and Management*. 4(4): 437-456.
- Karim R., Candell O. & Söderholm P. (2009). E-maintenance and information logistics: aspects of content format. *Journal of Quality in Maintenance Engineering*. 15(3): 308-324.
- Kawasaki T., Hanaoka S., & Le H.T. (2011). The impact of information and communication technology on performance of logistics service providers in Vietnam (No. 44). *Japan Society of Civil Engineers*. Retrieved from http://library.jsce.or.jp/jsce/open/00039/201111_no44/pdf/40.pdf on Apr 15, 2025.
- Kazakov S. (2022). Classification of information flows in logistics. *Journal Scientific and Applied Research*. 23(1): 99-104.
- Kumar R.S. & Pugazhendhi S. (2012). Information sharing in supply chains: An overview. *Procedia Engineering*. 38: 2147-2154.
- Lapide L. (2000). What about measuring supply chain performance? *Achieving Supply Chain Excellence Through Technology*. 2(2): 287-297.
- Lewczuk K. & Kłodawski M. (2020). Logistics information processing systems on the threshold of IoT. *Zeszyty Naukowe. Transport-Politechnika Śląska, Politechnika Śląska*. 107(6): 85-94.
- Lê Thị Phương Thanh, Lê Thị Phương Thảo & Tống Việt Bảo Hoàng (2023). Nghiên cứu mối quan hệ giữa hoạt động logistics và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp dệt may khu vực Bình Trị Thiên. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*. 132(5A): 229-253.
- Li X. (2014). Operations management of logistics and supply chain: Issues and directions. *Discrete Dynamics in nature and Society*. 2014(1): 701938.
- Lin C. (2007). Factors affecting innovation in logistics technologies for logistics service providers in China. *Journal of Technology Management in China*. 2(1): 22-37.
- Lin C.-Y. (2007). Supply chain performance and the adoption of new logistics technologies for logistics service providers in Taiwan. *Journal of Statistics and Management Systems*. 10(4): 519-543.
- Liu Y., Kim S. & Sun J. (2024). The implications of smart logistics policy on corporate performance: Evidence from listed companies in China. *Heliyon*. 10(17): e36623.
- Long D. (2003). *International logistics: Global supply chain management*. Springer.
- Macharia Ngombo Wilson D., Iravo M., Tirimba O. & Ombui K. (2015). Effects of information technology on performance of logistics firms in Nairobi County. *International Journal of Scientific and Research Publications*. 5(4): 1-26.
- Meyer G.G., Buijs, P., Szirbik B.N. & Wortmann J. (2014). Intelligent products for enhancing the utilization of tracking technology in transportation. *International Journal of Operations & Production Management*. 34(4): 422-446.
- Mentzer J.T. & Moon M.A. (2004). *Sales forecasting management: A demand management approach*. Sage Publications.

- Miller H. (2005). Information quality and market share in electronic commerce. *Journal of Services Marketing*. 19(2): 93-102.
- Moberg C.R., Cutler B.D., Gross A. & Speh T.W. (2002). Identifying antecedents of information exchange within supply chains. *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*. 32(9): 755-770.
- Nagy-Bota S. & Moldovan L. (2022). Key differences and common aspects of logistics and supply chain management. *Acta Marisiensis Seria Technologica*. 19(1): 42-6.
- Ndonye S. (2014). Influence of information technology on logistics performance in Kenya with reference to cargo transportation. *Journal of Supply Chain Management*. 1(2):1-18.
- Ndung'u N. & Were Dr. S. (2016). Factors affecting effective logistics management in the manufacturing industry in Kenya: a case of sameer africa limited. *Strategic Journal of Business & Change Management*. 3(4): 811-832.
- Ngai E., Lai K.-H. & Cheng T. (2008). Logistics information systems: The Hong Kong experience. *International Journal of Production Economics*. 113(1): 223-234.
- Nguyễn Tiến Minh, Phạm Thị Phương, Nguyễn Lan Anh & Phạm Minh Tuấn (2022). Giáo trình Logistics. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế. 218tr.
- Nguyễn Xuân Hào (2015). Tác động dịch vụ logistics đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nguyễn Quỳnh Mai (2024). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của hệ thống thông tin quản trị logistics cho doanh nghiệp Việt Nam. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nguyễn Thị Thu Trang, Nguyễn Hải Núi & Đoàn Thị Ngọc Thúy (2020). Ảnh hưởng logistics đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp may mặc trên địa bàn Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. 18(12): 1201-1210.
- Omar R., Ramayah T., Lo M.-C., Sang T.Y. & Siron R. (2010). Information sharing, information quality and usage of information technology (IT) tools in Malaysian organizations. *African Journal of Business Management*. 4(12): 2486-2499.
- Omoush M.M. (2022). The impact of the practices of logistic management on operational performance: A field study of road transport companies. *Journal of Governance and Regulation*. 11(4): 237-245.
- Prieya A.D.S. & Sankaranarayanan S. (2014). Adoption and Effectiveness of Logistics Information System in Logistics service companies. *The International Journal's Research Journal of Social Science and Management*. 3(10): 72-80.
- Phạm Quốc Thuần (2022). Các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp tại Việt Nam: Góc nhìn từ lý thuyết quyền biến. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*. 6(2): 2486-2499.
- Phạm Hồng Vích, Nguyễn Văn Hà & Nguyễn Phan Thiết (2020). Thực trạng hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng đồ gỗ vùng Đông Nam bộ. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*. 1: 171-180.
- Sario J.L. (2017). Organizational logistics support systems efficiency: inventory management system, resource commitment and data information system. Capella University.
- Shcherbakov V.V. (2009). *Osnovy logistiki [Fundamentals of logistics]*. St. Petersburg, Piter Publ.
- Shukla M.K. (2016). Supplier evaluation and selection criteria in business performance of small and medium scale enterprise. *International Research Journal of Engineering and Technology*. 3(6): 70-76.
- Somuyiwa A.O. & Adewoye J.O. (2010). Managing Logistics Information System: Theoretical Underpinning. *Asian Journal of Business Management*. 2(2): 41-47.
- Starostka-Patyk M. (2021). The use of information systems to support the management of reverse logistics processes. *Procedia Computer Science*. 192: 2586-2595.
- Stock J.R. & Lambert D.M. (2001). *Strategic logistics management (4th ed.)*. Boston, MA: McGraw-Hill/Irwin.
- Trần Trung Tuấn (2024). Ảnh hưởng của hệ thống thông tin kế toán tới thành quả hoạt động tại các doanh nghiệp sản xuất xi măng Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*. 325: 62-70.
- Trần Thứ Ba & Nguyễn Thị Tố Quyên (2017). Mô hình đánh giá sự phù hợp của hệ thống thông tin kế toán ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ-IUH*. 29(05): 8-18.
- Tsai M.-T., Li E.Y., Lee K.-W. & Tung W.-H. (2011). Beyond ERP implementation: The moderating effect of knowledge management on business performance. *Total Quality Management&Business Excellence*. 22(2): 131-144.
- Van Weele A.J. (2010). *Purchasing and supply chain management: Analysis, strategy, planning and practice*. Painos, Cengage Learning.

- Venkateswaran N. (2018). Logistics information system (lis) at pharma firm-an evaluation. *International Journal of Business and General Management*. 7(3): 11-18.
- Võ Văn Hiền & Lê Hoàng Vân Trang (2021). Áp dụng chuẩn mực kế toán tồn thất tài sản và cải thiện chất lượng thông tin. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Marketing*. 61(1): 107-125.
- Wei J. (2017). December). Study on Supply Chain Management of UNIQLO - Based on Quick Response. In 2017 7th International Conference on Mechatronics., Computer and Education Informationization (MCEI 2017) (pp. 89-93). Atlantis Press.
- Winter R. (2008, June). Enterprise-wide information logistics: Conceptual foundations, technology enablers, and management challenges. In *ITI 2008-30th International Conference on Information Technology Interfaces* (pp. 41-50). IEEE.
- Xin L., Xu P. & Manyi G. (2022). Logistics Distribution Route Optimization Based on Genetic Algorithm. *Computational Intelligence and Neuroscience*. pp. 1-9.
- Yang C.-C. & Lu C.-S. (2012). Factors influencing the use intention of port logistics information system by ocean carriers. *International Journal of Shipping and Transport Logistics*. 4(1): 29-48.
- Zawawi N.F.M., Wahab S.A., Yaacob A.S., Samy N.K. & Fazal S.A. (2016). Measuring the effectiveness of road transportation logistics performance in east Malaysia: A conceptual model. *International Journal of Business and Management*. 11(4): 110-120.
- Zhiwen Z., Xiaoying Y., Yujun X., Limin G. & Junxing L. (2020). Supply chain Logistics information quality evaluation from Just-in-Time perspective. *IEEE Access*. 8: 105728-105743.
- Zu E., Shu M.-H., Huang J.-C., Hsu B.-M. & Hu C.-M. (2021). Management problems of modern Logistics Information System based on data mining. *Mobile Information Systems*. pp. 1-9.